

Số: 538 /TM-TTYT

Krông Pa, ngày 05 tháng 9 năm 2023

THƯ YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thuộc lĩnh vực Trang thiết bị Y tế.

Trung tâm Y tế huyện Krông Pa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Krông Pa, địa chỉ: Số 142 Thống Nhất, trị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nay Vang, P.Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT, điện thoại: 0935 437 647, Email: todauthauttytkrpa@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế huyện Krông Pa. Số 142 Thống Nhất, trị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Nhận qua email: todauthauttytkrpa@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 05 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục trang thiết bị Y tế (Danh mục hóa chất xét nghiệm 2023-2024) có Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo.

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Thanh Liêm

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NĂM 2023-2024

(Kèm theo Thư yêu cầu báo giá số 538 /TM-TTYYT ngày 05/9/2023 của Trung tâm Y tế huyện Krông Pa)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản/ quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa)	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x 5 ml	Hộp	4	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC VÀ SINH HÓA
2	RIQAS Monthly Haematology (Haematology Programme) (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học)	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.. Quy cách: Hộp/3 x 2 ml	Hộp	8	
3	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%. Quy cách: Thùng 20L	Can	50	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC NIHON KOHDEN MEK - 6510K
4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dung dịch rửa hệ thống ống, buồng đếm. Thành phần Buffer<1.0%, Sufurctant<2.0% Quy cách: Thùng 5L	Can	6	
5	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch rửa hệ thống ống, buồng đếm. Thành phần Buffer<1.0%, Sufurctant<1.0% Quy cách: Thùng 5L	Can	6	
6	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch huỷ hồng cầu. Thành phần bao gồm Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%. Quy cách: Chai 500ml	Can	50	

7	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	Thành phần: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản. Lọ 2,5 ml	Lọ	12	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems)
8	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Thành phần: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản. Lọ 2,5 ml	Lọ	12	
9	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	Thành phần: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản. Lọ 2,5 ml	Lọ	12	
10	Concentrated system liquid	1000ml	Hộp	2	
11	Concentrated Washing solution	*Thành phần: Tensoactives 2% Preservatives and stabilizers Pha thêm được với 50 L nước cất, rửa máy AU480 Quy cách: 10x10ml	Hộp	1	

12	Triglycerides	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 3.0 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên đến 1000 mg Triglyceride / dL. Các mẫu có nồng độ cao hơn sẽ được pha loãng 1/10 với NaCl 0,9% và thử nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 10. *Độ chính xác: 98,5%. *Độ lặp lại như biến thể Coeffi bệnh nhân: 0,89% *Khả năng sinh sản dưới dạng biến thể Coeffi: 1,52% *Độ chân thực: Kết quả thu được với thuốc thử này không cho thấy sự chênh lệch hệ thống khi so sánh với thuốc thử tham chiếu. Quy cách 3 x 100ml A. 3 x 100ml B. 1 x 5ml Standard	Hộp	10	
13	Gamma GT (GGT)	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 4 U / mL *Độ tuyến tính: Lên tới 600 U / L. Đối với các giá trị cao hơn, nên pha loãng mẫu 1/10 trong nước muối (NaCl 0,9%) và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 10. *Độ chính xác: 98,4% *Độ lặp lại, như Coeffi của bệnh nhân biến thể: 1,77% *Khả năng sinh sản, như Coeffi của bệnh nhân biến thể: 2,29% Quy cách: 1 x 250ml A. 2x100ml B. 1x50ml	Hộp	5	

14	Calcium Arsenazo	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 1.5mg/dL *Độ tuyến tính: 15mg/dL(3.75mmol/L). Đối với giá trị lớn hơn pha mẫu trong nước khủ ion và kết quả cuối cùng nhân với yếu tố pha loãng *Độ chính xác: 96.3% *Độ lặp lại, như CV%: 2.51% *Độ tái lập, như CV%: 2.83% Quy cách: 2 x 100ml A. 2 x 100ml B. 1 x 5ml Standard	Hộp	3	
15	Urea	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2.0 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên đến 300 mg / dL Urea. *Độ chính xác: 98,6%. Quy cách: 4 x 50ml A. 3 x 50ml B. 1 x 50ml C. 1 x 5ml Standard	Hộp	10	

16	Creatinine	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 0,03 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên đến 15 mg / dL Creatinine. Đối với các giá trị cao hơn, pha loãng mẫu 1: 1 trong khử ion nước và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 2. *Độ chính xác: 97,4% *Độ lặp lại như biến thể Coeffi: 1,72% *Khả năng sinh sản, như biến thể Coeffi bệnh nhân: 2,11% Quy cách: 2 x 100ml A. 1 x 100ml B. 1 x 100ml C. 1 x 5ml Standard	Hộp	10	
17	Control N (Mức thường)	Kiểm tra đa thông số bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL Quy cách: Hộp/1x5ml	Hộp	12	
18	Control P (Mức cao)	Kiểm tra đa thông số bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL Quy cách: Hộp/ 1x5ml	Hộp	12	
19	Calib (Hiệu chuẩn)	Chuẩn cho 23 thông số hóa sinh bao gồm cả CK Quy cách: Hộp/7ml	Hộp	10	
20	Glucose	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2.0 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên tới 500 mg / dL. Đối với các giá trị cao hơn, nên pha loãng mẫu 1/2 trong nước muối (NaCl 0,9%) và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 2. *Độ chính xác: 98,9%. *Độ lặp lại, như biến thể Coeffi cient: 0,79% *Khả năng sinh sản, như biến thể Coeffi bệnh nhân: 1,33% Quy cách: 3 x 100ml A. 3 x 100ml B. 1 x 5ml Standard	Hộp	20	

21	Asat (GOT)	*Độ nhay, như giới hạn phát hiện: 2 UI / ml *Độ tuyến tính: Lên tới 680 U / L. Đối với các giá trị cao hơn, nên pha loãng mẫu 1/10 trong nước muối (NaCl 0,9%) và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 10. *Độ chính xác: 97,9% *Độ lặp lại, như Coeffi của bệnh nhân biến thể: 1,72% *Khả năng sinh sản, như Coeffi của bệnh nhân biến thể: 2,42% Quy cách: 1 x 250ml A. 2 x 100ml B. 1 x 50ml	Hộp	12	
22	Alat (GPT)	*Độ nhay, như giới hạn phát hiện: 5 UI / mL. *Độ tuyến tính: Lên tới 550 U / L. Đối với các giá trị cao hơn, nên pha loãng mẫu 1/10 trong nước muối (NaCl 0,9%) và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 10. *Độ chính xác: 98,1% *Độ lặp lại, như Coeffi của biến thể: 1,76% *Khả năng sinh sản, như Coeffi của bệnh nhân biến thể: 2,41% Quy cách: 1 x 250ml A. 2 x 100ml B. 1 x 50ml	Hộp	12	

23	Acid Uric	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 0,04 mg / dL *Độ tuyến tính: Lên đến 25 mg / dL. Đối với các giá trị cao hơn, nên pha loãng mẫu 1/2 trong nước muối (NaCl 0,9%) và xét nghiệm một lần nữa. Nhân kết quả cuối cùng với 2. *Độ chính xác: 105%. *Độ lặp lại, như biến đổi Coeffi cient: 0,7% *Khả năng sinh sản, như biến thể Coeffi bệnh nhân: 3,17% 3 x 100ml A. 3 x 100ml B. 1 x 5ml Standard	Hộp	10	
24	Cholesterol	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2 mg / dL *Độ tuyến tính: 700 mg / dL. Đối với nồng độ cao hơn pha loãng mẫu 1/2 bằng nước muối (NaCl 0,9%). Nhân kết quả cuối cùng với 2. *Độ chính xác: 98,6% *Độ lặp lại, như CV%: 0,87% Quy cách: 3 x 100ml A. 3 x 100ml B. 1 x 5ml Standard	Hộp	8	
25	Test nước tiểu 13 thông số	Hộp 100 que	Que	1.000	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY NƯỚC TIỂU 13 THÔNG SỐ Comilyzer13 Human
26	Urinalysis Control - Level 1 (Urinal control 1)	Hộp/ 12 x 12ml Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. 13 thông số tổng phân tích Nước tiểu: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, hCG, Ketones, Leukocytes , Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC	Hộp	12	

27	Urinealysis Control - Level 2 (Urnal control 2)	Hộp/ 12 x 12ml Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. 13 thông số tổng phân tích Nước tiểu: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, hCG, Ketones, Leukocytes , Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC	Hộp	12	HÓA CHẤT XÁC ĐỊNH NHÓM MÁU
28	Anti A	Lọ 10ml	Lọ	10	
29	Anti B	Lọ 10ml	Lọ	10	
30	Anti D	Lọ 10ml	Lọ	10	
31	Test Dengue NS1	Hộp >=25 Test	Test	6.000	
32	Test Dengue IgG/IgM	Hộp >=25 Test	Test	2.500	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO
33	Test HBsAg	Hộp 50 test	Test	1.000	
34	Test HAV	Hộp 25 test	Test	500	
35	Test HCV	Hộp 50 test	Test	500	
36	Test ma túy tổng hợp (4 trong 1)	Hộp >=15 test	Test	6.000	
37	Test nhanh chuẩn đoán HIV	Hộp >=25 test	Test	1.000	HÓA CHẤT KHÁC
38	Test Thử Thai	Hộp >=01 test	Test	200	
39	Microshield 2% 500ml	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy: Chlorhexidine Gluconate 2% w/v (tương đương 11,3 g/l) và Tartrazine. Bỏ sung chất làm mềm và dưỡng ẩm. Chai 500ml	Chai	30	
40	Dung dịch sát khuẩn tay	Chlorhexidine Gluconate 0,5%, ethanol 80%, Isopropyl alcohol 7,2%. Chai 500m	Chai	50	
41	Gel siêu âm	Can/ 5 Lít	Can	30	
42	Presep 2,5g	Viên sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh. Hộp 100 viên	Viên	10.000	
43	Cloramin B	Thùng 25 kg	Kg	75	

44	Aniosyme	Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. Diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus. Can 5 lít	Can	20	
45	Bộ nhuộm đậm	Basic fuchsin 1.5%, phenol 4.5%, ethanol 15%, surface-active agents 15%, wetting agents 15%; Ethanol 97%, HCl 3%; Methylene blue 0.5%, phenol 1%, ethanol 30%. (phương pháp nhuộm không qua ngọn lửa đèn cồn) Hộp /3 x 250 ml	Bộ	4	
46	Dung dịch Giemsa	500 ml/Chai	Chai	3	
Tổng: 46 danh mục					

